

Bản án số: 32/2023/DS-ST.

Ngày 07-7-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Linh.

Ông Nguyễn Văn Hành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ông Thị Cành Nha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** **Trần Đại H**; Sinh năm: 1973. Địa chỉ đăng ký TT: ÔLK, đường D, Khu đô thị 5, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ tạm trú: khóm Tr, phường Kh, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng – Là chủ hộ kinh doanh Tr tại địa chỉ: ấp M, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Đại H: Bà Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1995. Địa chỉ ĐKTT: ấp Tr, xã Tr, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ liên hệ: khóm Tr, phường Kh, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022) (*Có mặt*).

* ***Bị đơn:*** **Nguyễn Quốc M**; Sinh năm: 1964. Địa chỉ: ấp Nh, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh Th trình bày:

Trước đây từ năm 2016, ông Trần Đại H có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Quốc M, hai bên giao kết hợp đồng thông qua hợp đồng mua bán ngày 24/11/2016. Bên cạnh đó hai bên giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng mang tên “Chú M”.

Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 24/11/2016, ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông M. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông M hoặc người nhà của ông M đến lấy hàng tại kho của ông H. Ông M tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm ông M phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông M vẫn không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị ông M thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông M. Sau khi nhận hàng ông M không có phản nản hay khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù, ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm ông M không thanh toán hết tiền hàng cho ông H.

Đến ngày 26/10/2018 khi công nợ đã lên đến 446.088.000 đồng thì phía ông M chỉ gửi trả cho ông H được số tiền là 270.000.000 đồng và trả hàng còn dư lại là 5.392.000 đồng, tổng cộng là 275.392.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 170.696.000 đồng thì ông M không trả thêm cho ông H.

Mặc dù, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền hàng còn nợ cho ông H, nhưng đến nay ông M vẫn cố tình không thanh toán, ông M chỉ ký xác nhận công nợ ngày 28/01/2019. Hành vi cố tình không trả nợ của ông M đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn khởi kiện thì ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền nợ gốc là 170.696.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/170.696.000 đồng tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/10/2022 là 01 năm 04 tháng là 22.759.000 đồng, tổng cộng là 193.455.000 đồng. Nay ông H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền nợ gốc là 170.696.000 đồng, trả đủ 01 lần khi bản án có hiệu lực, không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Quốc M trình bày: Trước đây từ năm 2016, ông M có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Trần Đại H. Khi mua bán hai bên lập hợp đồng mua bán

ngày 24/11/2016. Việc giao nhận hàng thông qua sổ giao nhận hàng mang tên “Chú M”.

Theo thỏa thuận, bắt đầu từ 24/11/2016, ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông M. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông M hoặc người nhà của ông M đến lấy hàng tại kho của ông H. Ông M tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm ông M phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông M không thanh toán tiền hàng cho ông H, ông H có quyền cắt hàng. Sau khi hợp đồng thì ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông M. Thời gian đầu ông M đều thanh toán tiền hàng đầy đủ cho ông H, nhưng sau đó việc nuôi tôm thất bại, nên đến cuối vụ tôm ông M không thanh toán hết tiền hàng cho ông H.

Đến ngày 26/10/2018 khi công nợ đã lên đến 446.088.000 đồng thì phía ông M chỉ gửi trả cho ông H được số tiền là 270.000.000 đồng và trả hàng còn dư lại là 5.392.000 đồng, tổng cộng là 275.392.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 170.696.000 đồng thì ông M không trả thêm cho ông H.

Ông M thừa nhận hiện nay ông M còn nợ ông H số tiền gốc là 170.696.000 đồng và thống nhất hoàn trả cho ông H số tiền gốc là 170.696.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên ông M yêu cầu ông H cho ông M xin trả dần số tiền là 1.000.0000 đồng/năm cho đến khi trả dứt số tiền trên.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên có hợp đồng mua bán với nhau, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 170.696.000 đồng, phía bị đơn đề nghị xin trả dần mỗi năm là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn không thống nhất cho bị đơn xin trả dần số tiền trên, như vậy là hai bên không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 357, Điều 430, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xử buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền gốc là 170.696.000 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H thì nguyên đơn có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho ông Nguyễn Quốc M nhiều lần và hiện nay ông M còn nợ ông H tổng số tiền gốc là 170.696.000 đồng. Do ông M vi phạm hợp đồng, nên ông H yêu cầu ông M phải hoàn trả tổng số tiền gốc là 170.696.000 đồng, trả đủ 01 lần khi bản án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Theo đơn khởi kiện thì ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền nợ gốc là 170.696.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/170.696.000 đồng tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/10/2022 là 01 năm 04 tháng là 22.759.000 đồng, tổng cộng là 193.455.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền nợ gốc là 170.696.000 đồng, trả đủ 01 lần khi bản án có hiệu lực, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Quốc M phải hoàn trả tổng số tiền gốc là 170.696.000 đồng.

- Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Quốc M cũng thống nhất hoàn trả cho nguyên đơn Trần Đại H số tiền gốc là 170.696.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên ông M yêu cầu ông H cho xin trả dần số tiền là 1.000.0000 đồng/năm cho đến khi trả dứt số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên có hợp đồng mua bán với nhau, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 170.696.000 đồng, phía bị đơn đề nghị xin trả dần mỗi năm là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên. Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn không thống nhất cho bị đơn xin trả dần số tiền trên, như vậy là hai bên không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Vì vậy, cần xử buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền gốc là 170.696.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Nguyễn Quốc M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.534.800 đồng. Ông Trần Đại H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.836.375 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004243 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 427 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

Buộc ông Nguyễn Quốc M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền gốc 170.696.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 170.696.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) thì hàng tháng ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.534.800 đồng (*Tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm đồng*). Ông Trần Đại H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.836.375 đồng (*Bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004243 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Trần Đại H, ông Nguyễn Quốc M có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên